

DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ NÂNG LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN NĂM 2011

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	
I	NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN ĐỂ CHUẨN BỊ NGHỈ HƯU														
1	Nguyễn Văn Thường	12/1948		GS.TS	15109	5	7.64	08/2008	15109	6	8.00	08/2010	K.Marketing		
1	Trần Thị Thu		1954	PGS.TS	15110	7	6.44	01/2009	15110	8	6.78	01/2011	K.KT&QLNNL	Nghỉ hưu 2012	Tăng lương trước thời hạn 12 tháng
2	Phạm Huy Vinh	1952		TS	15110	5	5.76	04/2008	15110	6	6.10	04/2010	K.KTH	Nghỉ hưu 2012	
3	Nguyễn Thạch Cư	1952			01011	11	3.30	05/2009	01011	12	3.48	05/2010	TT.Thư viện	Nghỉ hưu 2012	
4	Nguyễn Thị Thu		1957	ThS	15111	5	3.66	06/2008	15111	6	3.99	06/2010	K.KTH	Nghỉ hưu 2012	
5	Trần Kim Loan		1957	CN	01002	3	4.74	10/2008	01002	4	5.08	10/2010	K.NH-TC	Nghỉ hưu 2012	
6	Phạm Thị Tám		1957	CN	01002	3	4.74	09/2008	01002	4	5.08	09/2010	K.Tại chức	Nghỉ hưu 2012	
7	Nguyễn Ngọc Châu	1952		ThS	01002	7	6.44	12/2009	01002	8	6.78	12/2011	TT.ĐTLT	Nghỉ hưu 2012	
8	Vũ Thị Yên		1957		01009	7	2.08	07/2010	01009	8	2.26	07/2011	P.QTTB	Nghỉ hưu 2012	
II	NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN DO LẬP THÀNH TÍCH XUẤT SẮC														
1	Nguyễn Văn Nam	1954		GS.TS	15109	3	6.92	05/2009	15109	4	7.28	05/2011	Ban giám hiệu	CSTĐCS 3 năm liên tục, HC lao	
2	Mai Ngọc Cường	1953		GS.TS	15109	3	6.92	05/2009	15109	4	7.28	05/2011	Tạp chí KT&PT	CSTĐCS 3 năm liên tục	
3	Đặng Đình Đào	1954		GS.TS	15109	3	6.92	05/2009	15109	4	7.28	05/2011	Viện NCKTPT	CSTĐCS 3 năm liên tục	
4	Hoàng Đức Thân	1958		GS.TS	15109	3	6.92	05/2009	15109	4	7.28	05/2011	K.TM&KTQT	CSTĐCS 3 năm liên tục	
5	Trần Minh Đạo	11/1951		GS.TS	15109	3	6.92	09/2009	15109	4	7.28	09/2011	K.Marketing	Nhà giáo ưu tú 2010	
6	Thang Mạnh Hợp	1957		ThS	15110	4	5.42	01/2010	15110	5	5.76	01/2012	TT.ĐTLT	BK Bộ trưởng 2010; CSTĐ 2	
7	Nguyễn Anh Tuấn	1957		PGS.TS	15110	5	5.76	01/2010	15110	6	6.10	01/2012	TT.ĐTLT	BK Bộ trưởng 2010; CSTĐ 3	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	
8	Trần Thị Kim Thu		1959	PGS.TS	15110	6	6.10	12/2009	15110	7	6.44	12/2011	K.Thống kê	BK Bộ trưởng 2010; CSTĐ Bô	Tăng lương trước thời hạn 12 tháng (tổng số 37 người)
9	Nguyễn Ngọc Sơn	1971		PGS.TS	15111	5	3.66	07/2009	15111	6	3.99	07/2011	K.KH-PT	BK Bộ trưởng 2011, CSTĐCS 3	
10	Trương Đình Chiến	1958		PGS.TS	15110	7	6.44	12/2009	15110	8	6.78	12/2011	K.Marketing	BK Bộ trưởng; CSTĐCS 2 năm	
11	Trương Văn Tú	1954		TS	15110	7	6.44	12/2009	15110	8	6.78	12/2011	V.CNNTKT	CSTĐ Bộ 2009, CSTĐDCS 3 năm	
12	Ngô Kim Thanh		1957	PGS.TS	15110	6	6.10	12/2009	15110	7	6.44	12/2011	K.QTKD	CSTĐ Bộ 2010; CSTĐCS 3 năm	
13	Phạm Thị Bích Chi		1968	PGS.TS	15110	3	5.08	10/2009	15110	4	5.42	10/2011	K.Kế toán	CSTĐCS 3 năm liên tục	
14	Trần Thị Thu Giang		1967	ThS	15110	3	5.08	10/2009	15110	4	5.42	10/2011	K.NNKT	CSTĐCS 3 năm liên tục	
15	Phạm Quang	1964		PGS.TS	15110	4	5.42	10/2009	15110	5	5.76	10/2011	K.Kế toán	CSTĐCS 3 năm liên tục	
16	Phạm Quang Trung	1964		GS.TS	15110	4	5.42	10/2009	15110	5	5.76	10/2011	Ban giám hiệu	CSTĐCS 3 năm liên tục	
17	Trần Thọ Đạt	1959		PGS.TS	15110	5	5.76	04/2009	15110	6	6.10	04/2011	Ban giám hiệu	CSTĐCS 3 năm liên tục	
18	Nguyễn Việt Lâm	1956		PGS.TS	15110	6	6.10	10/2009	15110	7	6.44	10/2011	K.Tại chức	CSTĐCS 3 năm liên tục	
19	Phạm Văn Khôi	1955		PGS.TS	15110	6	6.10	12/2009	15110	7	6.44	12/2011	K.BĐS&KTTN	CSTĐCS 3 năm liên tục	
20	Trương Đình Đức	1980		ThS	15111	2	2.67	05/2009	15111	3	3.00	05/2011	V.CNNTKT	CSTĐCS 3 năm liên tục	
21	Đinh Đức Trường	1977		TS	15111	3	3.00	05/2009	15111	4	3.33	05/2011	K.MT&ĐT	CSTĐCS 3 năm liên tục	
22	Phan Hữu Nghị	1976		TS	15111	4	3.33	07/2009	15111	5	3.66	07/2011	K.NH-TC	CSTĐCS 3 năm liên tục	
23	Tạ Văn Lợi	1971		TS	15111	4	3.33	10/2009	15111	5	3.66	10/2011	K.TM&KTQT	CSTĐCS 3 năm liên tục	
24	Nguyễn Ngọc Quang	1972		TS	15111	4	3.33	05/2009	15111	5	3.66	05/2011	K.Marketing	CSTĐCS 3 năm liên tục	
25	Đoàn Đức Cường	1964		CN	01003	5	3.66	12/2009	01003	6	3.99	12/2011	P.Bảo vệ	CSTĐCS 3 năm liên tục	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	
26	Nguyễn Chí Tuệ	1953		CN	01002	7	6.44	02/2009	01002	8	6.78	02/2011	Tổ chuyên trách	CSTĐCS 2 năm 2009, 2010	
27	Tạ Ích Kiêm	1954			01002	3	5.08	12/2009	01002	4	5.42	12/2011	K.Tại chức	CSTĐCS 2 năm 2010, 2011	
28	Nguyễn Hợp Toàn	1954		TS	15110	7	6.44	12/2009	15110	8	6.78	12/2011	K.Luật	CSTĐCS 2 năm 2010, 2011	
29	Tô Trung Thành	1977		TS	15111	4	3.33	07/2009	15111	5	3.66	07/2011	K.KTH	CSTĐCS 2 năm 2010, 2011	
30	Nguyễn Quang Huy	1972		ThS	15111	5	3.66	12/2009	15111	6	3.99	12/2011	K.TM&KTQT	CSTĐCS 2 năm 2009, 2010	
31	Nguyễn Phương Mai	1974		ThS	15111	5	3.66	09/2009	15111	6	3.99	09/2011	V.ĐTQT	CSTĐCS 2 năm 2010, 2011	
32	Vũ Kim Dũng	1962		PGS.TS	15110	5	5.76	05/2009	15110	6	6.10	05/2011	K.KTH	CSTĐCS 2 năm 2009, 2011	
33	Lê Hà Thanh		1973	TS	15110	1	4.40	01/2009	15110	2	4.74	01/2011	K.MT&ĐT	CSTĐCS 2 năm 2010, 2011	
34	Trần Việt Lâm	1954		PGS.TS	15110	4	5.42	10/2009	15110	5	5.76	10/2011	K.QTKD	CSTĐCS 2 năm 2010, 2011	
35	Ngô Đức Nghị			ThS	01003	2	2.67	10/2008	01003	3	3.00	10/2010	V.CNТTKT	CSTĐCS 2 năm 2010, 2011	
36	Trương Tử Nhân	1973		ThS	15111	5	3.66	10/2009	15111	6	3.99	10/2011	K.DL-KS	CSTĐCS 2 năm 2009, 2010	
37	Nguyễn Quang Hồng	1977		ThS	15111	4	3.33	11/2009	15111	5	3.66	11/2011	K.MT&ĐT	CSTĐCS 2 năm 2009, 2010	
38	Đặng Thị Lệ Xuân		1976	ThS	15111	4	3.33	02/2009	15111	5	3.66	08/2011	K.KH-PT	CSTĐCS 1 năm 2010	
39	Đào Thanh Tùng	1977		TS	15111	3	3.00	03/2009	15111	4	3.33	08/2011	P.HTQT	CSTĐCS 1 năm 2011	
40	Phạm Thị Thủy		1973	TS	15110	1	4.40	01/2009	15110	2	4.74	07/2011	K.Kế toán	CSTĐCS 1 năm 2009	
41	Nguyễn Thị Lôi		1957	PGS.TS	15110	4	5.42	11/2008	15110	5	5.76	05/2011	K.Kế toán	CSTĐCS 1 năm 2010	
42	Nguyễn Văn Công	1962		PGS.TS	15110	5	5.76	05/2009	15110	6	6.10	10/2011	K.Kế toán	CSTĐCS 1 năm 2010	
43	Phạm Thành Long	1976		TS	15111	4	3.33	11/2009	15111	5	3.66	05/2012	K.Kế toán	CSTĐCS 1 năm 2010	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
					Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
		Nam	N												
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	
44	Hồ Thị Hải Yến		1964	TS	01002	2	4.74	01/2009	01002	3	5.08	07/2011	P.QLKH	CSTĐCS 1 năm 2011	Tăng lương trước thời hạn 6 tháng (tổng số 16 người)
45	Dương Thị Quỳnh Mai		1978	ThS	01003	4	3.33	01/2010	01003	5	3.66	07/2012	P.TC-KT	CSTĐCS 1 năm 2010, GK Hiệu	
46	Nguyễn Thị Thanh Huyền		1982	ThS	15111	2	2.67	05/2009	15111	3	3.00	10/2011	K.NNKT	CSTĐCS 1 năm 2010	
47	Lê Thị Mỹ Linh		1964	TS	15110	3	5.08	01/2009	15110	4	5.42	07/2011	V.QTKD	CSTĐCS 1 năm 2011	
48	Lê Đức Hoàng	1979		ThS	15111	3	3.00	10/2009	15111	4	3.33	04/2012	K.Toán	CSTĐCS 1 năm 2011	
49	Đoàn Minh Hạnh		1978	CN	01003	2	2.67	01/2009	01003	3	3.00	07/2011	V.QTKD	CSTĐCS 1 năm 2011	
50	Trần Xuân Hương		1962	CN	01003	5	3.66	06/2009	01003	6	3.99	12/2011	K.TM&KTQT	CSTĐCS 1 năm 2011	
51	Trần Văn Thi	1953			01011	5	2.22	12/2010	01011	6	2.40	06/2012	P.Bảo vệ	CSTĐCS 1 năm 2009	
52	Đàm Trọng Tuyển	1982		ThS	15111	2	2.67	05/2009	15111	3	3.00	10/2011	K.Toán	CSTĐCS 1 năm 2009	
53	Hoàng Đức Mạnh	1981		ThS	15111	2	2.67	05/2009	15111	3	3.00	10/2011	K.Toán	CSTĐCS 1 năm 2010	
54	Trịnh Bảo Trâm		1964	ThS	15110	1	4.40	01/2009	15110	2	4.74	01/2011	K.NNKT	Giấy khen HT 2011 tham gia	Không được tăng lương trước thời hạn do hết chỉ tiêu
55	Nguyễn Thị Bích Thủy B		1976	ThS	15111	4	3.33	04/2009	15111	5	3.66	04/2011	K.LLCT	Giấy khen HT 2011 tham gia	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	

Số TT	Họ và tên	N m sinh		Trình độ chuyên môn nghề nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc				Kết quả nâng bậc trong năm 2010				Đơn vị	Thành tích	Kết luận của Hội đồng Lương
		Nam	N		Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương ở bậc hiện giữ	Thời gian được tính hưởng	Chức danh hoặc ngạch (mã số)	Bậc trong ngạch	Hệ số lương mới được nâng bậc	Thời gian tính nâng bậc, PCTNVK lần sau			
1	2	3	4	5	6	7	8	10		12	13	15	17	18	